

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

A. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

I. Tóm tắt về dự án

- Tên dự án: Mua sắm phương tiện phục vụ SXKD HPC năm 2026
 - Quy mô và địa điểm hạng mục công trình: Mua sắm 01 xe 3 trong 1 (tải+cầu+gàu) cầu 3 tấn (kích thước nhỏ gọn) và 03 xe bán tải, phục vụ SXKD của HPC.

- Thời gian thực hiện dự án: năm 2025 - 2026.

- Địa điểm thực hiện: Thành phố Huế.

II. Tên và nội dung chủ yếu của gói thầu:

- Tên và số hiệu gói thầu: Gói thầu RRQM.17/2026/ĐTXD: Cung cấp phương tiện năm 2026.

- **Danh mục hàng hóa:** Nhà thầu chịu trách nhiệm cung ứng đầy đủ hàng hóa với số lượng như bảng dưới đây

TT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
1.	Xe 3 trong 1 (tải+cầu+gàu) kích thước nhỏ gọn	Chiếc	01	
2.	Xe bán tải	Chiếc	03	

* Ghi chú: Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa, bảo hiểm vận chuyển hàng hóa, in và dán logo của Chủ đầu tư vào xe do Bên bán thực hiện bao gồm trong giá dự thầu.

III. Địa điểm giao hàng:

1. Địa điểm giao hàng: 32 Lý Thường Kiệt, phường Thuận Hóa, Thành phố Huế - Công ty Điện lực Huế.

2. Địa điểm thực hiện dịch vụ: 32 Lý Thường Kiệt, phường Thuận Hóa, Thành phố Huế - Công ty Điện lực Huế.

3. Thời gian thực hiện gói thầu: Tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành gói thầu (bao gồm cả dịch vụ liên quan, nếu có), không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, trong đó tiến độ thực hiện là 90 ngày.

B. Yêu cầu về kỹ thuật

I. Yêu cầu về kỹ thuật chung

a.. Phương tiện mới 100%, chưa qua sử dụng, có đủ giấy tờ chứng minh xuất xứ hàng hoá và catalogue ghi rõ tiêu chuẩn, đặc tính, công dụng, hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt.

b. Sản phẩm chào thầu phải có Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của Cục đăng kiểm Việt Nam (bản sao).

c. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các giấy tờ liên quan theo quy định cùng với hàng hóa để Chủ đầu tư đăng ký đưa phương tiện vào sử dụng, tham gia giao thông.

d. Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa: (Theo mục 3 chương III Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật).

Mục này lập thành bảng ma trận để thể hiện rõ các yêu cầu về tài liệu kỹ thuật (bản vẽ, catalogue, ...) xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng, Giấy phép bán hàng (nếu có yêu cầu), ... mà nhà thầu phải nộp trong E-HSDT để chứng minh hàng hóa chào thầu đáp ứng các yêu cầu.

TT	Hàng hóa	Tài liệu kỹ thuật (bản vẽ, Catalogue,)	Xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng	Giấy phép bán hàng (nếu có yêu cầu)
1.	Xe 3 trong 1 (tải+cầu+gàu) kích thước nhỏ gọn	X		
2.	Xe bán tải	X		

Ghi chú:

- Dấu "X" là các tài liệu bắt buộc hồ sơ dự thầu phải cung cấp;

II. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

Hạng mục số	Thông số kỹ thuật	Yêu cầu	Nhà thầu chào
I	Xe 3 trong 1 (tải+cầu+gàu) kích thước nhỏ gọn		
1	Yêu cầu chung		
1.1	Nhà sản xuất/lắp ráp xe cơ sở, cầu và rổ thành xe ô tô tải gắn cầu có rổ nâng người làm việc trên cao	Nhà thầu nêu rõ	
1.2	Nước sản xuất	Nhà thầu nêu rõ	
1.3	Năm sản xuất	Từ năm 2025 trở về sau	
1.4	Màu xe	Cabin xe, thùng xe, rổ màu trắng, cầu màu của nhà sản xuất	
2	Cầu		
2.1	Mã hiệu	Nhà thầu nêu rõ	
2.2	Nước sản xuất	Nhà thầu nêu rõ	
2.3	Nhà sản xuất	Nhà thầu nêu rõ	
2.4	Năm sản xuất	Từ năm 2023 trở về sau	
2.5	Chiều cao làm việc tính từ mặt đất đến móc cầu (m)	$\geq 11,5$	
2.6	Bán kính làm việc tối đa (m)	$\geq 10,5$	
2.7	Tải trọng nâng của cầu với bán kính làm việc nhỏ nhất (kg/m)	≥ 3.000 /(nhà thầu nêu rõ)	
2.8	Tải trọng nâng của cầu với bán kính làm việc lớn nhất (kg/m)	≥ 180 /(nhà thầu nêu rõ)	

Hạng mục số	Thông số kỹ thuật	Yêu cầu	Nhà thầu chào
2.9	Kết cấu cần	Kiểu ống lồng, thò thụt	
2.10	Số đoạn cần	≥ 5	
2.11	Góc quay ngang làm việc (độ)	Liên tục 360°	
2.12	Góc nâng hạ cần (độ)	\geq (cung từ 1° đến 76°)	
2.13	Hệ thống điều khiển cầu bằng thủy lực tại 2 bên thành xe	Có	
2.14	Hệ thống điều khiển cần cầu (vào, ra, lên, xuống, quay trái, phải) và cáp cầu	Điều khiển không dây cầm tay đồng bộ với cầu	
3	Rổ nâng người		
3.1	Nước sản xuất rổ	Nhà thầu nêu rõ	
3.2	Nhà sản xuất rổ	Nhà thầu nêu rõ	
3.3	Kích thước rổ (D×R×C) mm	$\geq (1.080 \times 630 \times 900)$	
3.4	Vật liệu	Composite (F.R.P)	
3.5	Độ dày (mm)	≥ 7	
3.6	Chiều cao làm việc trên rổ vươn cần tối đa (m)	≥ 13	
3.7	Tải trọng cho phép (kg)	≥ 200 kg (gồm người và dụng cụ)	
3.8	Số vị trí móc dây an toàn	2	
3.9	Khả năng cách điện bề mặt	Nhà thầu nêu rõ	
4	Xe và thùng xe		
4.1	Mã hiệu xe	Nhà thầu nêu rõ	
4.2	Nước sản xuất	Nhà thầu nêu rõ	
4.3	Nhà sản xuất	Nhà thầu nêu rõ	
4.4	Năm sản xuất	Năm 2025 trở về sau	
4.5	Kiểu động cơ	Diesel 4 kỳ tăng áp	
4.6	Công suất cực đại (kW)	≥ 100	
4.7	Mô men xoắn cực đại (Nm)	≥ 400	
4.8	Dung tích xylanh (cm ³)	≤ 4.100	
4.9	Hộp số	Tối thiểu có 5 số tiến và 1 số lùi	
4.10	Hệ thống phanh	Dẫn động thủy lực trợ lực chân không	
4.11	Hệ thống lái	Trợ lực toàn phần, tay lái thuận. Cột tay lái có thể điều chỉnh được độ cao và góc nghiêng	
4.12	Tiêu chuẩn khí thải	Mức 5 TCVN trở lên	
4.13	Tải trọng hàng hóa cho phép chở sau khi gắn cầu (kg)	≥ 2.400	
4.14	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 175	
4.15	Dung tích bình nhiên liệu (lít)	≥ 90	

Hạng mục số	Thông số kỹ thuật	Yêu cầu	Nhà thầu chào
4.16	Công thức bánh xe	4x2	
4.17	Kích thước thùng (D×R×C) mm	≤ (4.000 x 1.900 x 500)	
4.18	Kích thước tổng thể xe tải cầu (D×R×C) mm	≤ (6.300 x 2.000 x 3.000)	
4.19	Kết cấu thùng	<ul style="list-style-type: none"> - Thùng lửng, thành thùng xe đóng mở được 3 phía, kết cấu thép dập nguội; Bản lề, bulon liên kết móc khóa bằng thép không rỉ. - Các tấm thùng (bửng) bằng thép tấm có độ dày ≥ 2mm, liên kết hàn, xử lý bề mặt và sơn tĩnh điện. - Sàn thùng bằng thép tấm có độ dày ≥ 3mm dập vân nổi chống trượt, liên kết hàn, xử lý bề mặt và phun sơn 2 lớp (chống rỉ, sơn màu) 	
4.20	Cabin	Kiểu lật, trang bị khóa an toàn, có điều hòa nhiệt độ, 01 đầu đĩa Radio AF/FM, dây an toàn cho các ghế ngồi	
4.21	Số người cho phép chở trên cabin	≥ 03	
4.22	Phụ tùng thay thế và sửa chữa	01 bánh xe và 01 bộ đồ nghề sửa xe, sách hướng dẫn sử dụng, bảo hành xe	
4.23	Bộ trích công suất cho cầu	Cùng nhà sản xuất với xe cơ sở, mới 100%	
4.24	Chân chống trước	Đồng bộ với cầu, điều khiển ra vào bằng cơ hoặc thủy lực, nâng hạ bằng thủy lực, có hệ thống theo dõi cân bằng chân chống	
4.25	Bộ gá cầu vào thân xe kèm phụ kiện (bộ)	Cùng nhà sản xuất với cầu, mới 100%	
4.26	Chân chống sau	Điều khiển lên xuống, ra vào bằng thủy lực	
5	Các thiết bị an toàn, hiển thị		
5.1	Đồng hồ đo tải trọng	Có	
5.2	Bảng theo dõi sức nâng của cầu	Có	
5.3	Nút dừng khẩn cấp	Có	
5.4	Thiết bị chống lật cầu	Có	

Hạng mục số	Thông số kỹ thuật	Yêu cầu	Nhà thầu chào
5.5	Bơm khẩn cấp để thu cần và hạ rô khi động cơ xe dừng hoạt động	Có, motor cấp nguồn từ ắc quy của xe	
5.6	Hệ thống giới hạn chiều cao làm việc	Có	
5.7	Hệ thống gấp gọn móc cầu	Có	
5.8	Chặn bánh xe khi làm việc (cái)	04 cái	
5.9	Tám kê chân chống cầu (tám)	4 tấm bằng vật liệu chịu được áp lực làm việc của cầu, mỗi tấm có kích thước $\geq (300 \times 400 \times 50)$ mm	
5.10	Dây tiếp địa di động (bộ)	Dây bằng đồng, nhiều sợi, mềm, bọc nhựa trong, tiết diện dây tối thiểu 16mm^2 , 02 đầu dây có kẹp vặn bulong, có rulo quấn dây	
5.11	Giá đỡ rô tháo lắp nâng người (cái)	Có	
5.12	Giải pháp bảo vệ dây tín hiệu đo chiều dài cần, cảm biến quá tải để hạn chế đứt, hư hỏng khi vận hành	Có	
II	Xe bán tải		
I	Thông số chung		
1	Nhà sản xuất	Nhà thầu nêu rõ	
2	Nước sản xuất	Nhà thầu nêu rõ	
3	Năm sản xuất	Năm 2025 trở về sau	
4	Mã hiệu	Nhà thầu nêu rõ	
5	Màu sơn	Lựa chọn cụ thể khi ký hợp đồng	
II	Xe		
1	Động Cơ	Tăng áp 2GD-FTV (hoặc tương đương)	
2	Dung tích xi lanh (cc)	≥ 2.300	
3	Công suất cực đại	≥ 100 kW	
4	Mô men xoắn tối đa (Nm)	≥ 400	
5	Hộp số	Tự động, ≥ 6 cấp	
6	Chế độ lái	Có	
7	Hệ thống truyền động	Dẫn động cầu sau	
8	Bán kính vòng quay tối thiểu (m)	$\leq 6,4$	
9	Tiêu chuẩn khí thải	Mức 5 TCVN trở lên	
10	Dung tích thùng nhiên liệu (Lít)	≥ 70	
III	Kích thước, trọng lượng		
1	Kích thước tổng thể (D×R×C) mm	$\geq 5.300 \times 1.800 \times 1.800$	
2	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 250	

Hạng mục số	Thông số kỹ thuật	Yêu cầu	Nhà thầu chào
3	Trọng lượng không tải (kg)	≤ 2.000	
4	Trọng lượng toàn bộ (kg)	≥ 2.750	
5	Chiều dài cơ sở (mm)	≥ 3.000	
IV	Trang thiết bị kèm theo		
1	Trang thiết bị an toàn		
1.1	Túi khí phía trước	Có	
1.2	Túi khí bên	Có	
1.3	Túi khí rèm dọc hai bên trần xe	Có	
1.4	Camera	Camera lùi	
1.5	Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) & Phân phối lực phanh điện tử (EBD)	Có	
1.6	Hệ thống kiểm soát hành trình	Có	
2	Hệ thống treo		
2.1	Hệ thống treo trước	Tay đòn kép	
2.2	Hệ thống treo sau	Nhíp lá	
3	Hệ thống phanh		
3.1	Phanh trước	Đĩa thông gió	
3.2	Phanh sau	Tang trống	
3.3	Cỡ lốp	265	
3.4	Loại vành	Mâm đúc	
4	Trang thiết bị ngoại thất		
4.1	Đèn phía trước	LED dạng thấu kính	
4.2	Đèn chiếu sáng ban ngày	LED	
4.2	Đèn Sương mù	Có	
4.3	Gương chiếu hậu bên ngoài	Có điều chỉnh điện	
5	Trang thiết bị bên trong xe		
5.1	Điều hòa nhiệt độ	Thường	
5.2	Vật liệu ghế	Da hoặc nỉ	
5.3	Tay lái	3 chấu	
5.4	Ghế lái trước	Chỉnh tay 6 hướng	
5.5	Ghế sau	Ghế băng gập	
5.6	Cửa kính điều khiển điện	Có	
5.7	Hệ thống âm thanh	AM/FM, MP3, USB, Bluetooth, 06 loa	
5.8	Màn hình giải trí	Màn hình cảm ứng ≥ 9 inch	
5.9	Cửa sổ điều chỉnh điện	4 cửa	
5.10	Điều khiển âm thanh trên tay lái	Có	
6	Đồ nghề theo xe	01 Lốp xe dự phòng và 01 bộ đồ nghề dự phòng	